

VẬN DỤNG DẠY HỌC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THUYẾT TRÌNH CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC LÀM VĂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

ThS. LÊ THỊ HẠNH*

Ngày nhận bài: 13/05/2016; ngày sửa chữa: 13/05/2016; ngày duyệt đăng: 13/05/2016.

Abstract: Literature and assignments at secondary schools today aren't much considered. Meanwhile method change in teaching Literature at schools is necessary in the context of education reform and integration because Literature plays an important role in forming presentation skill for students. The article points out that problem-based learning is an effective method in teaching Literature to improve presentation capacity and enhance quality of learning for students at school.

Keywords: Solve problems, ability, literature.

Trong nhà trường, môn *Ngữ văn* có một vị trí quan trọng đặc biệt, góp phần tạo nên nền tảng văn hóa cho học sinh (HS), giúp HS học tốt các môn học khác. Nhưng hiện nay, môn *Ngữ văn* nói chung và những bài học *Làm văn* trong chương trình *Ngữ văn* trung học cơ sở (THCS) chưa được chú trọng đúng mức, *năng lực thuyết trình* (NLTT) của HS chưa được đề cao và đánh giá đúng mức. Có thể thấy, đây là một vấn đề luôn đòi hỏi sự tìm tòi đổi mới, sáng tạo của giáo viên (GV). Cần có sự nghiên cứu đầy đủ hơn về cách thức dạy học (DH) hiệu quả để góp phần nâng cao NLTT cho HS trong dạy học *Làm văn* ở giai đoạn này. Từ thực tế đó, chúng tôi nhận thấy có thể vận dụng DH giải quyết vấn đề (GQVĐ) để phát triển NLTT cho HS trong DH *Làm văn* ở THCS. DH GQVĐ có khả năng đáp ứng được yêu cầu về đổi mới, góp phần tích cực vào việc rèn luyện tư duy nhận thức cho HS, giúp HS mở rộng tầm hiểu biết, phát huy năng lực (NL) tư duy sáng tạo, nâng cao hứng thú học tập bộ môn và quan trọng nhất là DH GQVĐ sẽ phát triển NLTT cho HS trong *Làm văn* ở trường THCS.

1. Dạy học giải quyết vấn đề

1.1. Các khái niệm liên quan. DH GQVĐ được thể hiện qua các hình thức và phương pháp dạy học (PPDH), kĩ thuật DH. Mức độ cao nhất trong DH GQVĐ là HS độc lập GQVĐ, thực hiện tất cả các bước của GQVĐ, chẳng hạn thông qua thảo luận nhóm để GQVĐ, thông qua thực nghiệm, nghiên cứu trường hợp, thực hiện các dự án để GQVĐ. Thuật ngữ "*Dạy học giải quyết vấn đề*" xuất phát từ thuật ngữ "*Orixtic*" hay còn gọi là phương pháp phát kiến hay tìm tòi. Theo nhà giáo dục học người Ba Lan

V. Ôkôn: "*DH GQVĐ là tập hợp những hoạt động như tổ chức các tình huống có vấn đề, phát biểu vấn đề, giúp đỡ cần thiết cho HS trong việc GQVĐ, kiểm tra phép giải quyết đó và cuối cùng điều khiển quá trình hệ thống hóa, củng cố kiến thức tiếp thu được*". Như vậy, hạt nhân của DH GQVĐ là tạo ra các tình huống có vấn đề.

Về tình huống có vấn đề, hiện nay chưa có một định nghĩa thống nhất. Đáng chú ý nhất là định nghĩa của M.I Mackmutov: "*Tình huống có vấn đề là trở ngại về trí tuệ của con người xuất hiện khi người đó chưa biết cách giải quyết hiện tượng, sự kiện, quá trình của thực tế, khi chưa thể đạt tới mục đích bằng cách thức hành động quen thuộc. Tình huống này kích thích con người tìm tòi cách giải thích hay hành động mới. Tình huống có vấn đề là quy luật của hoạt động nhận thức sáng tạo có hiệu quả. Nó là sự khởi đầu của tư duy, hành động tư duy tích cực sẽ diễn ra trong quá trình nêu ra và giải quyết các vấn đề*". Như vậy, có thể coi tình huống có vấn đề trong DH là trạng thái tâm lí đặc biệt của HS khi họ gặp mâu thuẫn khách quan của bài toán nhận thức giữa cái đã biết và cái phải tìm, tự họ chấp nhận và có nhu cầu, có khả năng giải quyết mâu thuẫn đó bằng tìm tòi tích cực, sáng tạo, kết quả là họ nắm được cả kiến thức và phương pháp dành kiến thức.

1.2. Các bước tiến hành GQVĐ. Các bước tiến hành GQVĐ được đề cập ở đây có tính khái quát, xác định phương hướng cần thiết để HS tiếp cận, hiểu và GQVĐ. Vấn đề đặt ra là: **Bằng cách nào giúp HS**

* Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành

phát triển kỹ năng GQVĐ? Chúng tôi cho rằng, cần có các bước tiến hành GQVĐ khả thi trong DH hỗ trợ GV và HS trong quá trình DH. Có thể hình thành cách thức DH GQVĐ gồm các bước và các kỹ năng cụ thể cho mỗi bước.

- *Bước 1: Tìm hiểu vấn đề:* Phát hiện vấn đề từ một tình huống có vấn đề; giải thích và chính xác hoá tình huống (*khi cần thiết*) để hiểu đúng vấn đề đặt ra; phát biểu vấn đề và đặt mục tiêu GQVĐ đó.

- *Bước 2: Giải quyết tình huống có vấn đề:* + *Phân tích vấn đề* làm rõ mối quan hệ giữa cái đã biết và cái cần tìm (*so sánh, liên hệ với những cách GQVĐ tương tự đã biết cũng như tìm các phương án giải quyết mới*); + *Hướng dẫn HS tìm chiến lược GQVĐ* thông qua đề xuất và thực hiện hướng GQVĐ.

- *Bước 3: Kết quả đạt được sau khi giải quyết tình huống có vấn đề.*

2. Vận dụng DH GQVĐ để phát triển NLTT cho HS trong DH Làm văn ở trường THCS

2.1. Thuyết trình là trình bày bằng lời trước nhiều người về một vấn đề nào đó nhằm cung cấp thông tin hoặc thuyết phục, gây ảnh hưởng đến người nghe. Trong thuyết trình, cũng giống như bất kì hình thức truyền thông nào khác, có các yếu tố căn bản thường được biểu thị như sau: *“ai đang nói điều gì với ai và đang sử dụng phương tiện nào để tạo ra kết quả gì?”*. Có thể nói ở đâu có hoạt động DH thì ở đó có sử dụng lời thuyết trình, điều này cần thiết hơn đối với hình thành khái niệm nói chung. Vận dụng DH GQVĐ trong Làm văn ở trường THCS cần hạn chế thuyết trình thông báo, tái hiện và phát huy hiệu quả của thuyết trình nêu vấn đề và GQVĐ. Có nghĩa là GV đưa vấn đề, đặt HS vào tình huống có vấn đề, gợi mở, khơi gợi, tổ chức bàn bạc, thảo luận để cùng đồng thuận GQVĐ.

2.2. Phát triển NL được hiểu là *quá trình tăng lên về chất của một dạng hành động của con người được thực hiện dựa trên sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các mặt tri thức; kỹ thuật hành động và những điều kiện sinh học - tâm lí của một cá thể (nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân...)* để đạt được kết quả theo mục đích đề ra.

Chúng tôi quan niệm phát triển NLTT là phát triển NL thành tố (nói) nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với các thành tố khác của NL giao tiếp (đọc, viết). Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết này, khái niệm phát triển NLTT được tiếp cận chủ yếu dưới góc độ ngôn ngữ tiếng Việt, gắn với đối tượng cụ thể đó là HS THCS. Vì vậy *“Phát triển NL TT cho HS THCS là quá trình tạo ra sự chuyển biến nhất định (tăng lên về chất) trong một dạng hành động được thực hiện dựa trên sự kết*

hợp nhuần nhuyễn giữa tri thức ngôn ngữ (đặc biệt ngôn ngữ nói), những hiểu biết về văn hóa xã hội (liên quan đến thuyết trình bằng lời)... và điều kiện sinh học - tâm lí của mỗi HS (nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân...) để thực hiện có hiệu quả hoạt động thuyết trình (*tạo lời*) theo yêu cầu và mục đích đề ra”.

2.3. Theo chúng tôi, cần có cách thức vận dụng DH GQVĐ vào thực tiễn DH từng bài học cụ thể chứ không phải chỉ dừng lại ở những gợi ý hay đề xuất. Mặt khác DH theo hướng đó, tất yếu phải phân bài học theo vấn đề. “Mỗi giờ học sẽ là một bước phát triển của tình huống có vấn đề chung đã được nêu ra làm điểm xuất phát” [1]. Từ vấn đề chung đó, sẽ xuất hiện ra vấn đề khác buộc HS phải giải quyết. Đây là một hướng DH được nhóm tác giả cuốn *Phương pháp luận DH* do I.A.Rez chủ biên, đề xuất. Các tác giả gọi đây là hướng *“phân tích nêu vấn đề”*. Từ ý thức về tầm quan trọng của DH GQVĐ, thực trạng của việc DH môn *Ngữ văn* nói chung và phân môn *Làm văn* nói riêng ở Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành, những năm qua, chúng tôi đã cố gắng tìm tòi, vận dụng DH GQVĐ vào phân môn *Làm văn* để phát triển NLTT cho HS một cách có chọn lọc và bước đầu đã thấy hiệu quả. Chúng tôi nhận thấy việc dạy phân môn *Làm văn* để phát triển NLTT phải có tính hệ thống, kết hợp và liên tục. Bởi vậy, cũng không có một mô hình chính thức cho việc phát triển NLTT mà đòi hỏi người GV phải vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo trong mỗi giờ học.

Chúng tôi đề xuất một cách thức tạo ra các *tình huống có vấn đề* cụ thể và sử dụng một số PPDH để tổ chức cho HS giải quyết tình huống theo các bước sau đây:

2.3.1. Đưa HS vào tình huống có vấn đề. Đưa HS vào tình huống có vấn đề để HS thực sự suy nghĩ, chiếm lĩnh kiến thức từ đó mới có nhu cầu và khả năng bộc lộ, bởi nếu không có kiến thức của bản thân thì không thể thuyết trình được.

- *Xây dựng tình huống lựa chọn.* Tình huống lựa chọn là tình huống GV đặt HS trước một sự lựa chọn rất khó khăn. HS được chọn một giải pháp trước hai hay nhiều phương án giải quyết mà cái nào cũng có vẻ như có lí, có sức hấp dẫn. Tình huống này đòi hỏi HS phải bộc lộ quan điểm, thái độ của bản thân với mỗi vấn đề được nêu ra. Qua đó, phát huy được tính tích cực chủ động của mỗi HS và tăng hứng thú của các em trong mỗi giờ học. Ví dụ: tiết 100: *“Phương pháp tả cảnh” (Ngữ văn 6, tập 2; tr 45)*, GV có thể ra đề văn: *Mùa xuân mát mẻ với chồi biếc và hoa thơm. Mùa hè rực rỡ, chói chang. Mùa thu dịu dàng, trong*

tréo. Mùa đông bập bùng ánh lửa, ấp ủ mầm xanh. Mỗi mùa một vẻ đẹp riêng. Hãy tả cảnh một mùa mà em thích. HS có thể lựa chọn một mùa mình thích để miêu tả và thuyết trình trước lớp. Hay trong tiết 95-96: “Luyện nói quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả”(Ngữ văn 6, tập 2; tr 35) GV có thể cho HS nhận xét đề văn: “Lần đầu tiên em được quan sát cảnh đẹp của quê hương mình vào một buổi sớm bình minh sau nhiều năm xa cách. Tất cả đối với em đều lạ lẫm và hết sức đáng yêu. Em hãy tả lại cảnh đẹp của quê hương vào buổi sớm bình minh ấy”.

- *Xây dựng tình huống nghịch lí.* Tình huống nghịch lí là những tình huống trái khoáy, ngược đời, trái với lẽ thường được mọi người công nhận. Tình huống này đòi hỏi HS phải huy động những kiến thức tổng hợp để lí giải những vấn đề khó khăn mà yêu cầu đề bài đặt ra. Giải quyết được vấn đề có nghĩa là HS đã tự nhiên chiếm lĩnh được tri thức. Bởi vậy, trong khi DH *Làm văn*, GV cần chú ý phát hiện tình huống nghịch lí từ những điều trái với tự nhiên, trái với lẽ thường trong cuộc sống và nêu ra để HS tham gia giải quyết. Tình huống này sẽ giúp các em “ngộ” ra được nhiều điều bổ ích, mới mẻ trong bài học và trong cuộc sống. Chẳng hạn, trong tiết 60: “Luyện nói: Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học”(Ngữ văn 7, tập 1; tr 154), GV đưa ra đề bài sau: Cho đoạn thơ sau trong bài thơ “Tiếng gà trưa”: “Nghe xao động nắng trưa. Nghe bàn chân đỡ mỏi. Nghe gọi về tuổi thơ” và nêu yêu cầu: Có ý kiến cho rằng: nhà thơ Xuân Quỳnh có thể sử dụng từ “*thấy*” thay từ “*nghe*”? Em có đồng ý với ý kiến đó không? Em kiến giải ý kiến đó như thế nào?...; Hay với tiết 127: “Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ” (Ngữ văn 9, tập 2; tr 76), GV yêu cầu: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi: “Áo anh rách vai. Quần tôi có vài mảnh vá. Miệng cười buốt giá. Chân không giày. Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.” Hai câu thơ đầu có chủ thể “*anh*” và “*tôi*” còn ba câu thơ sau không rõ và không có sự nhất quán. Sự khác biệt về hình thức như vậy có ý nghĩa gì?

- *Xây dựng tình huống nhân quả.* Tình huống nhân quả là tình huống GV yêu cầu HS đi tìm nguyên nhân của một kết quả, bản chất của một hiện tượng, nguồn gốc quy luật của một sự kiện, động cơ sâu xa của một hành vi nào đó. Tình huống này đòi hỏi HS phải trả lời câu hỏi “*tại sao*” và để trả lời thấu đáo, các em cần phải thảo luận, tranh luận để đi đến câu trả lời thuyết phục nhất. HS được thể hiện khả năng phán đoán, suy luận của mình trước những tình huống đặt ra. Từ đó, mỗi HS sẽ nắm được nội dung kiến thức cần đạt. Chẳng hạn, trong tiết 49: “Nghị luận trong văn bản tự

sự” (Ngữ văn 9, tập 1; tr 137), GV nêu câu hỏi: “*Vì sao các tác giả của Hoàng Lê nhất thống chí vốn là những người có cảm tình với nhà Lê mà lại có thể viết rất chân thực về người anh hùng Quang Trung - Nguyễn Huệ?*”

- *Xây dựng tình huống giả định.* Tình huống giả định là tình huống GV nêu ra một số giả thiết nào đó khi phân tích ví dụ trong bài để làm rõ vấn đề hay sự việc cần tìm hiểu. Tình huống này giúp HS được biểu lộ NL thích ứng trong tình huống của cuộc sống, HS được nhập vai để phát huy trí tưởng tượng và NL sáng tạo. Chẳng hạn, tiết 95: “Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh” (Ngữ văn 8, tập 2; tr 33), GV giao nhiệm vụ cho HS: *Hãy tưởng tượng các bạn là một nhóm hướng dẫn viên du lịch. Nào, bây giờ các bạn hãy giới thiệu cho du khách về vẻ đẹp một danh thắng của Hà Nội*; tiết 65-66: “Luyện tập kể chuyện tưởng tượng”, GV nêu yêu cầu đề bài 1: “*Trong nhà em có ba phương tiện giao thông: xe đạp, xe máy và ô tô. Chúng cãi nhau, so bì hơn thua kịch liệt. Em hãy tưởng tượng mình nghe thấy cuộc cãi nhau đó và sẽ dàn xếp như thế nào?*” và đề bài 2: “*Kể về cuộc thám hiểm của em và nhóm bạn lên Sao Hỏa, được gặp sự sống của Hành tinh Đỏ, bạn của Trái Đất*” hoặc đề bài 3: *Trong truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng” (Ngữ văn 6) lần nào mục vợ sai, ông lão cũng ngoan ngoãn theo đúng lời mục vợ vì thế địa vị của ông lão ngày càng thấp kém so với ông lão và còn suýt bị mất mạng. Mặt khác, ông lão còn gián tiếp tiếp tay cho lòng tham và cái xấu của mục vợ ngày càng gia tăng. Em hãy cho ông lão một lời khuyên ông nên làm theo yêu cầu của mục vợ đến đâu là vừa.* HS tự bộc lộ và tìm kiếm lời khuyên; tiết 74: “Ôn tập tập làm văn” (Ngữ văn 9, tập 1; tr 206), GV đặt HS vào tình huống: “*Tưởng tượng mình có một chuyến tham quan Sa Pa, có cuộc gặp gỡ thú vị với anh thanh niên làm công tác khí tượng thủy văn, nhân vật trong tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long). Hãy kể lại cuộc gặp gỡ đó*”. HS xây dựng bài thuyết trình của mình và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- *Xây dựng tình huống phản bác.* Tình huống phản bác là tình huống GV cố tình đưa ra ý kiến sai lệch, thiếu chính xác để HS dùng lập luận bác bỏ ý kiến này và đưa ra ý kiến đúng đắn trên cơ sở đó nắm vững nội dung bài học. Tình huống này đòi hỏi HS phải biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để bác bỏ ý kiến sai lệch và thuyết phục mọi người bằng ý kiến đúng. Giải quyết được tình huống HS sẽ tránh được cách hiểu vấn đề thiên lệch, thiếu chính xác. Ví dụ, tiết 145: “Luyện nói: Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ” (Ngữ văn 9, tập

2; tr 112), GV nêu câu hỏi: Khi phân tích bài thơ: “*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*” của Nguyễn Khoa Điềm, có người đã nhận xét: “*Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng*” đã diễn tả cái nóng như mặt trời của em bé nằm trên lưng mẹ để nói lên nỗi vất vả của người mẹ dân tộc Tà Ôi”. Theo em, nhận xét như vậy có đúng không?

2.3.2. *Tổ chức để HS giải quyết tình huống có vấn đề.* Có nhiều cách thức DH GQVĐ để HS phát triển NLTT trong Làm văn.

- *Sử dụng PPDH theo góc để giải quyết tình huống lựa chọn.* Trong DH theo góc, các kĩ năng GQVĐ thể hiện rất rõ ràng. Ở góc phân tích, HS nhận nhiệm vụ thông qua phiếu học tập từ đó HS phát hiện được vấn đề và tự tìm hiểu nội dung yêu cầu của đề văn: “*Mùa xuân mát mẻ với chồi biếc và hoa thơm. Mùa hè rực rỡ, chói chang. Mùa thu dịu dàng trong trẻo. Mùa đông bập bồng ánh lửa, ấp ủ mầm xanh. Mỗi mùa một vẻ đẹp riêng. Hãy tả cảnh một mùa mà em thích*”. Hay trong Tiết 95-96: “*Luyện nói quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét trong văn miêu tả*” (Ngữ văn 6, tập 2; tr 35) GV ra đề văn: “*Lần đầu tiên em được quan sát cảnh đẹp của quê hương mình vào một buổi sáng bình minh sau nhiều năm xa cách. Tất cả đối với em đều lạ lẫm và hết sức đáng yêu...*” HS xác định kiểu bài văn miêu tả cảnh vật; cần vận dụng các quan sát, so sánh, liên tưởng, nhận xét để làm bài văn miêu tả cảnh vật ấy. Ở góc quan sát, HS tìm ý cho đề văn miêu tả ở trên. Ở góc trải nghiệm, HS lập dàn ý cho đề bài: *Phần Mở bài:* Giới thiệu yêu cầu của đề bài và nêu cảm xúc của mình; *Phần Thân bài:* Miêu tả vẻ đẹp đặc trưng về cảnh sắc, không khí, sức sống của bức tranh phong cảnh; *Phần Kết bài:* Cảm xúc, tình yêu thiên nhiên của em thông qua bức tranh phong cảnh ấy. Tương tự ở góc áp dụng, HS đề xuất được các cách làm khác nhau để làm sáng tỏ yêu cầu của đề. Cuối cùng thì cả bốn góc. HS cần thực hiện kế hoạch hoặc độc lập hoặc hợp tác để thu thập thông tin, xử lí thông tin, chọn giả thuyết đúng - sai rồi đưa ra kết luận chính xác và ngắn gọn. GV định hướng yêu cầu về hình thức trình bày sạch sẽ, rõ ràng, diễn đạt súc tích ngắn gọn. Câu văn giàu hình ảnh, giàu cảm xúc. Biết sử dụng các biện pháp so sánh nhận xét trong bài làm văn miêu tả cảnh vật. Không khí giờ học sôi nổi hơn. HS biết cách làm bài văn miêu tả nói chung và rút ra được bài học về cách làm bài văn miêu tả cảnh vật nói riêng, tự tin thuyết trình trước lớp về bài văn của mình.

- *Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để giải quyết tình huống giả định.* Trong DH Làm văn, ưu thế

của PP này được thể hiện rất rõ. Trong tiết 95: “*Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh*” (Ngữ văn 8, tập 2; tr 33), GV giao nhiệm vụ cho HS: *“Hãy tưởng tượng các bạn là một nhóm hướng dẫn viên du lịch. Nào, bây giờ các bạn hãy giới thiệu cho du khách về vẻ đẹp một danh thắng của Hà Nội; GV sau khi đã hình thành lí thuyết cho HS thì chia nhóm để HS làm các bài tập luyện tập củng cố kiến thức vừa thu nhận được. Thời gian: 4-5 phút. Hình thức: Đại diện nhóm trình bày. Các nhóm nhận xét, rút kinh nghiệm. GV lưu ý HS trong bài thuyết trình: + Giới thiệu danh thắng trên các phương diện: vị trí, diện tích, lịch sử, kiến trúc, đặc điểm, ý nghĩa, giá trị; + Sử dụng, phối hợp hiệu quả các phương pháp thuyết minh, các yếu tố tự sự, miêu tả, các biện pháp nghệ thuật. Cụ thể: + Nhóm 1: Thuyết minh về Hồ Tây; + Nhóm 2: Thuyết minh về Văn Miếu - Quốc Tử Giám; + Nhóm 3: Thuyết minh về cầu Long Biên; + Nhóm 4: Thuyết minh về chùa Trấn Quốc. GV/nhóm cung cấp các trang web để HS/các thành viên trong lớp/nhóm có thể truy cập, tìm hiểu, sưu tầm tư liệu để xây dựng bài thuyết trình.*

1. <http://www.vietnamtourism.com/>
2. <http://www.dulichvietnam.com.vn/>
3. <http://www.khamphadisana.com/>

Từ nguồn tư liệu từ trang web: youtube.com với các từ khóa: Hồ Tây, chùa Trấn Quốc, cầu Long Biên, Văn miếu Quốc Tử Giám..., GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm nhỏ (5 HS/nhóm) hoặc theo tổ (1 tổ/nhóm). HS trong nhóm sẽ trình bày ý kiến, nhóm trưởng tổng hợp, đại diện nhóm trình bày trước lớp. GV tổ chức, chỉ đạo chung và hỗ trợ các nhóm khi cần thiết bằng câu hỏi gợi dẫn. GV đánh giá, nhận xét và nêu định hướng chung cho việc trả lời câu hỏi. Giờ học đã diễn ra sôi nổi, hứng thú học tập của HS cũng như hiệu quả giờ học tăng lên. Nhờ vậy, kiến thức của HS sẽ được củng cố vững chắc hơn và theo đó NLTT của HS được nâng cao rõ rệt.

- *Sử dụng phương pháp đóng vai để giải quyết tình huống nhân quả, tình huống giả định.* Việc vận dụng phương pháp này trong một cách chừng mực và bằng cách nào đó phải đảm bảo nguyên tắc phát huy chủ thể tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, không biến HS thành một khách thể thụ động. Trong tình huống giả định được thực hiện ở tiết 65-66: “*Luyện tập kể chuyện tưởng tượng*” (Ngữ văn 6, tập 2; tr 130), GV đưa ra đề văn: “*Trong nhà em có ba phương tiện giao thông: xe đạp, xe máy và ô tô. Chúng cãi nhau, so bì hơn thua kịch liệt. Em hãy tưởng tượng mình nghe thấy cuộc cãi nhau đó và sẽ dàn xếp như thế nào?*” Với tình huống này, GV đã tổ chức chia lớp

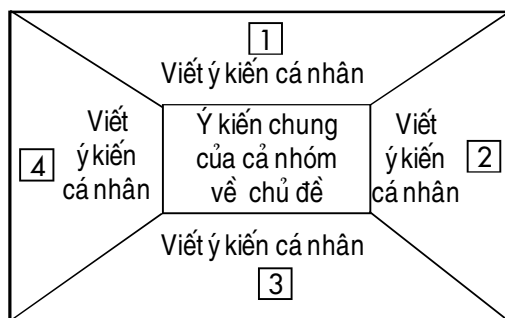
4 nhóm theo đơn vị tổ (1 tổ/nhóm) với nhiệm vụ và phân vai cụ thể. Thời gian chuẩn bị: 10 phút; thời gian đóng vai: 15 phút. GV khuyến khích HS nhận vai, quan sát hoạt động của HS và hướng dẫn gợi ý cho các em về cách thể hiện của từng nhân vật, góp ý cách ứng xử của HS khi thể hiện các tình huống thuyết trình khác nhau về những suy nghĩ của bản thân HS. HS thảo luận và thống nhất về: phân vai; dàn cảnh; cách thể hiện từng nhân vật; diễn thử và biểu diễn trước lớp. Các nhóm khác ở dưới có cơ hội quan sát, thảo luận để chuẩn bị những ý kiến đánh giá, nhận xét về: Cách thể hiện hành động nhân vật; sắc thái cảm xúc biểu lộ qua nhân vật; ngữ điệu, giọng nói khi thể hiện phần thuyết trình của nhân vật trong câu chuyện. Sau khi giải quyết tình huống, HS biết vận dụng sáng tạo những kiến thức đã học về ngôi kể, thứ tự kể và cách làm bài văn kể chuyện tưởng tượng, rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân, nhận ra mặt lợi và hại của từng phương tiện giao thông với cuộc sống của con người.

- *Sử dụng PPDH theo hợp đồng để giải quyết tình huống nghịch lí.* Trong DH hợp đồng, HS cần thực hiện các nhiệm vụ bắt buộc và nhiệm vụ tự chọn trong bản hợp đồng. Khác với DH theo góc là HS bắt buộc phải thực hiện nhiệm vụ theo góc theo phong cách học khác nhau. Giống như DH dự án, HS được thoải mái được thực hiện nhiệm vụ và tự mình tìm hiểu vấn đề, đề xuất GQVĐ và từ đó rút ra được các kết luận cho nhiệm vụ của bản thân, của cặp HS hay nhóm HS tùy theo nội dung của hợp đồng. Chẳng hạn tiết 60: "*Luyện nói: Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học*" (Ngữ văn 7, tập 1; tr 154), GV đưa ra đề văn sau: Cho đoạn thơ sau trong bài thơ "*Tiếng gà trưa*": "*Nghe xao động nắng trưa. Nghe bàn chân đỡ mỏi. Nghe gọi về tuổi thơ*" và nêu yêu cầu của đề bài: Nêu cảm nhận của em về 3 câu thơ đó, GV gợi ý HS qua câu hỏi: Có ý kiến cho rằng: nhà thơ Xuân Quỳnh có thể sử dụng từ "*thấy*" thay từ "*nghe*"? Em có đồng ý với ý kiến đó không? Em kiến giải ý kiến đó như thế nào? Khi vận dụng PPDH theo hợp đồng, HS rút ra được kết luận: *Lối dùng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, lấy thính giác (nghe) thay cho cảm giác (thấy) và việc lặp lại ba lần ở đầu dòng thơ, động từ "nghe" có tác dụng đem lại ấn tượng như tiếng gà ngưng lại, làm xao động cả không gian và cũng là xao động của lòng người. Tiếng gà khiến cho kí ức của tác giả quay về với kỉ niệm của tuổi thơ* (theo Đinh Trọng Lạc: **Vẻ đẹp ngôn ngữ của văn học qua các bài tập đọc**, NXB Giáo dục, 2001); Với tiết 127: "*Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ*" - **Ngữ văn 9** (tập 2), GV yêu cầu: Đọc

đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi: "*Áo anh rách vai. Quần tôi có vài mảnh vá. Miệng cười buốt giá. Chân không giày. Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*". Hai câu thơ đầu có chủ thể "*anh*" và "*tôi*" còn ba câu thơ sau không rõ và không có sự nhất quán. Sự khác biệt về hình thức như vậy có ý nghĩa gì? HS suy nghĩ và đưa ra kết luận: Ba câu thơ sau vắng chủ thể "*anh*" và "*tôi*", nhắc tới khó khăn ấy không chỉ của anh, của tôi mà là còn là khó khăn chung của cả dân tộc ta trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Câu thơ vì thế mang tính khái quát hơn.

- *Sử dụng PPDH theo dự án để giải quyết tình huống phản bác.* Khi HS học theo dự án, các em được thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn liền với thực tiễn, kết hợp lí thuyết và thực hành, tự lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả. Ví dụ, tiết 145: "*Luyện nói: Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ*" (**Ngữ văn 9**, tập 2; tr 112), GV nêu câu hỏi: Khi phân tích bài thơ: "*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*" của Nguyễn Khoa Điềm, có người đã nhận xét: "*Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng*" đã diễn tả cái nóng như mặt trời của em bé nằm trên lưng mẹ để nói lên nỗi vất vả của người mẹ dân tộc Tà Ôi". Theo em, nhận xét như vậy có đúng không? HS trình bày lí do để phản bác lại ý kiến trên: Tác giả miêu tả mặt trời của thiên nhiên và mặt trời của mẹ đặt trong mối quan hệ đối chiếu. Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi, mặt trời ấy đem lại sự sống cho cây bắp, em Cu Taitrên lưng mẹ là mặt trời của mẹ, là nguồn sống, nguồn vui, nguồn hạnh phúc ấm áp là niềm hi vọng, niềm tự hào của mẹ, em là động lực để mẹ vượt qua gian khổ. Vì vậy, không thể hiểu theo ý kiến trên. Bên cạnh đó để đạt làm sáng tỏ câu lời trên, HS hoạt động theo nhóm, tạo ra kết quả dự án là những sản phẩm có thể giới thiệu được. Các thiết bị được sử dụng để học theo dự án gồm máy tính và máy chiếu, máy ảnh, các chương trình tin học ứng dụng như PowerPoint, Movie Maker... Khi GQVĐ nghiên cứu của dự án, HS được phát triển NLTT như sau: HS được tự chọn tiểu chủ đề, tự chọn nội dung vấn đề nghiên cứu trong đề tài của mình; Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch đề ra thông qua bảng phân công nhiệm vụ cụ thể của nhóm. Mỗi nhóm HS đề xuất phương án GQVĐ của riêng mình như tìm thông tin qua sách, báo hay internet; tạo ra sản phẩm dự án bằng cách báo cáo bằng chương trình thuyết trình trên PowerPoint hoặc chụp các bức ảnh rồi dựng thành phim có thuyết minh bằng chương trình Movie maker, HS biết thuyết trình, bảo vệ kết quả thực hiện của nhóm; nhận xét và đặt câu hỏi phản biện cho nhóm khác và đề xuất hướng hoàn thiện dự án.

- Sử dụng Kỹ thuật “Khăn phủ bàn” để giải quyết tình huống nhân quả. Đây là kỹ thuật tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm nhằm kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS, phát triển mô hình hợp tác giữa các HS.



- Thực hiện kỹ thuật “Khăn phủ bàn” qua 2 giai đoạn: + Giai đoạn HS hoạt động độc lập: Các thành viên trong nhóm ngồi vào vị trí như hình vẽ, hoạt động tư duy tập trung vào câu hỏi (hoặc chủ đề,...), sau đó trình bày ý kiến của bản thân vào ô quy định trong “khăn phủ bàn” độc lập tương đối với các thành viên khác. + Giai đoạn HS hoạt động tương tác: Các thành viên chia sẻ và thảo luận các câu trả lời, sau đó viết ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn phủ bàn. Vận dụng kỹ thuật này vào việc hướng dẫn HS trả lời câu hỏi trong tiết 49: “Nghị luận trong văn bản tự sự” (Ngữ văn 9, tập 1; tr 137): “Vi sao các tác giả của Hoàng Lê nhất thống chí vốn là những người có cảm tình với nhà Lê mà lại có thể viết rất chân thực về người anh hùng Quang Trung - Nguyễn Huệ? HS vận dụng kiến thức và hiểu biết của mình để làm sáng tỏ yêu cầu của đề bài.

3. Kinh nghiệm từ việc vận dụng DH GQVĐ để nâng cao NLTT cho HS trong DH Làm văn

Chúng tôi đã không tách rời mục tiêu nâng cao chất lượng DH với mục tiêu nâng cao chất lượng thuyết trình của HS. Những gợi ý sau đây có thể giúp GV nâng cao chất lượng vận dụng DH GQVĐ để phát triển NLTT trong Làm văn ở trường THCS.

3.1. Có thể nâng cao NLTT cho HS trong các giờ học chính khóa. GV cần rèn luyện cho HS NLTT trực tiếp, tự tin, thân thiện và mang tính hội thoại. Khi thuyết trình, GV cần lưu ý HS nên có những biểu cảm nét mặt hay điệu bộ kèm theo, sử dụng các cách thuyết trình với giọng nói và tốc độ nói khác nhau để đạt được mục đích của phần thuyết trình.

3.2. HS cần chuẩn bị bài và truyền tải thông điệp phần thuyết trình của mình theo trình tự logic và để hiểu đồng thời chú trọng bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Cũng có thể áp dụng các gợi ý của Aristotele trong nghệ thuật thuyết phục. Theo Aristotele, bài thuyết trình nên được chia thành 3 phần: a) *Phần mở đầu*: Nêu rõ những điều sẽ nói; b) *Phần lập luận*: Thuyết trình; c) *Phần tóm tắt*: Nêu lại các điểm chính trong bài thuyết trình. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cũng là yếu tố góp phần vào sự thành công của bài thuyết trình.

3.3. GV cần tiếp cận nhu cầu, NL và sở thích của HS. GV cần suy nghĩ và nêu ví dụ phù hợp với HS trong các giờ học Làm văn. Đừng bao giờ coi nhẹ điều này, bởi lẽ sở thích của GV chưa chắc là sở thích của người nghe tức là HS. Do đó, có thể phát huy NLTT của HS trong DH Làm văn một cách hiệu quả.

3.4. GV cần cố gắng là người nghe tốt. GV cần lắng nghe các câu hỏi, các câu trả lời hoặc nhận xét của HS khi hướng dẫn HS tìm hiểu bài học khi DH Làm văn ở trường THCS. Sự quan tâm tới điều đó khiến cho HS phấn khởi và tự tin và từ đó HS có thể phát triển NLTT của bản thân.

3.5. GV cố vũ HS biết bình tĩnh, thận trọng trước những điều mình nghe được, tôn trọng tất cả các ý kiến của HS khi thuyết trình. Thường vì quá hồi hộp và nôn nóng, HS có khuynh hướng vội vàng đi đến một ý tưởng hoặc một quyết định trước khi nghe hết bài giảng và hậu quả dẫn đến kết luận sai.

DH là một công việc sáng tạo, luôn đòi hỏi sự đổi mới không ngừng. Qua việc trực tiếp giảng dạy bộ môn *Ngữ văn* ở trường THCS, người viết thấy rằng việc vận dụng DH GQVĐ để phát triển NLTT trong DH Làm văn cho HS ở trường THCS đã giúp bộ môn *Ngữ văn* nói chung và các giờ học Làm văn đạt được kết quả tốt hơn. HS có khả năng, phân tích, lập luận chắc chắn, tư duy logic, có hứng thú với môn *Ngữ văn* và đặc biệt NLTT được nâng cao rõ rệt. Trước yêu cầu đổi mới về chương trình và PPDH môn *Ngữ văn* hiện nay, chúng tôi hi vọng rằng bài viết về vấn đề này góp một ý kiến có ý nghĩa trong việc gắn các bài học trong chương trình *Ngữ văn* THCS với các NL thiết yếu cần hình thành cho HS. □

Tài liệu tham khảo

[1] Z.I.A Rez (1983). *Phương pháp luận dạy học văn*. NXB Giáo dục.

(Xem tiếp trang 45)